

Số: /2024/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 439/TTr-TNMT ngày 29/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định

cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 2/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đất và điều kiện tách thửa, hợp thửa đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế của các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- Ủy ban Mặt trận TQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP ĐBQH&HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, các phòng;
- + Trung tâm Thông tin (đăng tải cb);
- Lưu: VT, KTN_{SN}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

QUY ĐỊNH

Chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 103, khoản 2 Điều 104, khoản 5 Điều 109, khoản 7, khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, khoản 2, khoản 5 Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở; quy định tỷ lệ quy đổi

1. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

a) Người có đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều

95 Luật Đất đai và Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP;

b) Người có đất thu hồi có đơn đề nghị được bồi thường bằng đất khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở;

c) Trên địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi có điều kiện về quỹ đất nông nghiệp khác mục đích sử dụng với loại đất nông nghiệp thu hồi; có quỹ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp chưa giao đất, chưa cho thuê đất.

2. Quy định tỷ lệ quy đổi

a) Trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp được bồi thường bằng đất thuộc nhóm đất nông nghiệp, tỷ lệ quy đổi tính theo giá đất của loại đất thu hồi và loại đất bồi thường theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp được bồi thường bằng đất ở, nhà ở

Khi nhà nước thu hồi diện tích từ 3.000m² trở lên đất trồng cây hàng năm của hộ gia đình, cá nhân trong cùng một dự án thì được bồi thường bằng việc giao một (01) lô đất ở, nhà ở có thu tiền sử dụng theo quy hoạch chi tiết.

Khi nhà nước thu hồi đất từ 4.000 m² trở lên đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm hộ gia đình, cá nhân trong cùng một dự án thì được bồi thường bằng việc giao một (01) lô đất ở, nhà ở có thu tiền sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết.

Khi nhà nước thu hồi đất từ 1,0 ha trở lên đất rừng sản xuất của hộ gia đình, cá nhân trong cùng một dự án thì được bồi thường bằng việc giao một (01) lô đất ở, nhà ở có thu tiền sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết.

c) Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp được bồi thường bằng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Khi nhà nước thu hồi diện tích từ 1,0 ha trở lên đất trồng cây hàng năm của hộ gia đình, cá nhân trong cùng một dự án thì được bồi thường bằng việc cho thuê một (01) thửa (lô) đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Khi nhà nước thu hồi đất từ 2,0 ha trở lên đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm hộ gia đình, cá nhân trong cùng một dự án thì được bồi thường bằng việc cho thuê một (01) thửa (lô) đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Khi nhà nước thu hồi đất từ 5,0 ha trở lên đất rừng sản xuất của hộ gia đình, cá nhân trong cùng một dự án thì được bồi thường bằng việc cho thuê một (01) thửa (lô) đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

d) Trường hợp thu hồi đất ở được bồi thường bằng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Khi nhà nước thu hồi diện tích đất ở từ năm (05) lần trở lên hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài và từ 2.000 m² trở lên đối với tổ chức trong cùng một dự án thì được bồi thường bằng việc cho thuê một (01) thửa (lô) đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

đ) Trường hợp thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất ở, nhà ở

Khi nhà nước thu hồi diện tích từ 1.000 m² trở lên đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân thì được bồi thường bằng việc giao 01 lô đất ở, nhà ở có thu tiền sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết.

e) Diện tích đất thu hồi tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản này không được cộng dồn diện tích trong cùng dự án Nhà nước đã thu hồi đất, đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quy định này có hiệu lực.

Điều 4. Bồi thường đối với vật nuôi không thể di chuyển được

Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại bằng 100% giá trị vật nuôi theo đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 5. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất

Mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Luật Đất đai như sau:

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt, như sau:

a) Di chuyển trong cùng địa giới hành chính xã, phường, thị trấn: 10.000.000 đồng.

b) Di chuyển sang địa giới hành chính xã, phường, thị trấn khác trong cùng huyện, thành phố, thị xã: 15.000.000 đồng.

c) Di chuyển sang địa giới hành chính huyện, thành phố, thị xã khác trong tỉnh: 20.000.000 đồng.

d) Di chuyển sang địa giới hành chính tỉnh, thành phố khác: 25.000.000 đồng.

2. Trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt; mức bồi thường cụ thể do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với người có tài sản phải di chuyển lập dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo từng trường hợp.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng không quá 50% giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng.

2. Tổng giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại và khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều này không quá 100% giá trị xây mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì được bồi thường bằng giá trị xây mới tại thời điểm thu hồi đất.

Điều 7. Bồi thường do phải di dời mộ mã khi Nhà nước thu hồi đất

Bồi thường do phải di dời mộ mã khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, như sau:

1. Chi phí đào, bốc:
 - a) Mộ chưa cải táng (mộ dài): 17.000.000 đồng/mộ;
 - b) Mộ đã cải táng: 8.000.000 đồng/mộ.
2. Chi phí di chuyển: 7.000.000 đồng/mộ.
3. Chi phí xây dựng mộ mới: Được tính bằng chi phí bồi thường mộ theo đơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.
4. Các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp để di dời mộ mã đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của địa phương.
 - a) Đối với mộ vô chủ: 2.000.000 đồng/mộ;
 - b) Đối với các trường hợp khác: 3.000.000 đồng/mộ.
5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân là chủ mộ tự bố trí đất để đặt mộ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền mức: 5.000.000 đồng/mộ.
6. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi đất thu hồi phải di dời mộ thực hiện hình thức hoá táng, lưu giữ tro cốt tại các cơ sở lưu giữ tro cốt thì thực hiện hỗ trợ chi phí hoá táng theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
7. Các khoản kinh phí quy định tại Điều này được chi trả cho chủ mộ; đối với trường hợp mộ vô chủ thì kinh phí được chi trả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện việc di dời mộ mã, xây dựng mộ mới.

Điều 8. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà

không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với phần diện tích tồn tại trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Mức bồi thường bằng 60% giá trị xây mới của phần tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Điều 9. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

1. Đối với các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 50% giá đất của loại đất thu hồi của Bảng giá đất. Kinh phí bồi thường được trả cho người đã đầu tư vào đất.

2. Đối với các trường hợp theo quy định tại điểm d, điểm e, khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 100% giá đất của loại đất thu hồi của Bảng giá đất. Kinh phí bồi thường được trả cho người đã đầu tư vào đất.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn

Khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì người sử dụng đất bồi thường bằng tiền một lần với mức cụ thể như sau:

1. Đất ở nhưng không được xây dựng nhà ở thì được bồi thường bằng 80% mức bồi thường khi thu hồi đất ở;

2. Đất ở nhưng đã có công trình được sử dụng không phải tháo dỡ thì được bồi thường bằng 60% mức bồi thường thu hồi đất ở;

3. Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất nằm trong cùng thửa đất ở thì được bồi thường bằng 70% mức bồi thường khi thu hồi loại đất tương ứng;

4. Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất không nằm trong cùng thửa đất ở thì được bồi thường bằng 30% mức bồi thường thu hồi loại đất tương ứng.

5. Trường hợp sau khi được bồi thường theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này mà Nhà nước thực hiện thu hồi đất thì người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ theo quy định; Kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi trả cho người sử dụng đất là số tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trừ đi số tiền đã hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 11. Hỗ trợ ổn định đời sống

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

a) Hỗ trợ trong thời gian 4 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở;

b) Hỗ trợ trong thời gian 8 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp di chuyển chỗ ở đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 12 tháng.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi thì được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình trên địa bàn tính tại thời điểm hỗ trợ.

Nhân khẩu được hỗ trợ: Là số nhân khẩu thường trú thực tế của hộ gia đình, cá nhân trước ngày thông báo thu hồi đất.

Thời điểm chi trả: theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 12. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà có đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh như sau:

a) Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản: 10.000 đồng/m² đất thu hồi;

b) Đối với các loại đất còn lại: 5.000 đồng/m² đất thu hồi.

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh cụ thể như sau:

a) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất. Mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không có báo cáo tài chính thì được hỗ trợ căn cứ mức thu lệ phí môn bài đã nộp ngân sách nhà nước, cụ thể:

Mức thu 1.000.000 đồng/năm: hỗ trợ 15.000.000 đồng;

Mức thu 500.000 đồng/năm: hỗ trợ 10.000.000 đồng;

Mức thu 300.000 đồng/năm: hỗ trợ 6.000.000 đồng.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc 01 lần mức lương tối thiểu vùng trên một tháng do Nhà nước quy định; thời gian hỗ trợ là thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh, nhưng tối đa không quá 6 tháng.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, thì được hỗ trợ ổn định sản xuất. Mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

6. Tiền hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này được phê duyệt và chi trả theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác có thể di chuyển thì được hỗ trợ di dời bằng 50% mức bồi thường quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời bằng 50% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất

1. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại khoản 1, Điều 109 Luật Đất đai bằng 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

2. Việc hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 15. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Mức hỗ trợ để tự lo chỗ ở theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP là 200.000.000 đồng (bất kể quy mô diện tích đất ở thu hồi, số nhân khẩu của hộ gia đình).

Điều 16. Bố trí tái định cư

1. Việc hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tái định cư theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở, quỹ nhà ở thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, bán nhà ở; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền với mức hỗ trợ bằng 50% mức quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai và điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bằng đất ở có diện tích bằng diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bằng nhà ở có diện tích nhà bằng diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

3. Người có đất ở bị thu hồi theo quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

a) Đối với hộ gia đình tại thành phố Bắc Giang, các thị xã: 1.500.000 đồng/01 nhân khẩu/01 tháng; tại các thị trấn: 1.000.000 đồng/01 nhân khẩu/01 tháng; đối với các xã còn lại: 800.000 đồng/01 nhân khẩu/01 tháng;

Đối với hộ độc thân tại thành phố Bắc Giang, các thị xã: 2.000.000 đồng/người/01 tháng; tại các thị trấn: 1.500.000 đồng/người/01 tháng; đối với các xã còn lại: 1.200.000 đồng/ người/01 tháng;

b) Thời gian theo thời gian thực tế đi thuê nhưng tối đa không quá 09 tháng kể từ ngày có quyết định giao đất tái định cư;

c) Nhân khẩu được hỗ trợ: Là số nhân khẩu thường trú thực tế của hộ gia đình, cá nhân trước ngày thông báo thu hồi đất.

4. Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn

Người có đất nhà nước thu hồi quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai phải di chuyển chỗ ở, nhà ở đồng thuận nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tự nguyện tháo dỡ nhà ở, công trình và bàn giao mặt bằng trước thời hạn được ghi trong thông báo nhận tiền của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng mà không phải ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc thì được thưởng bằng tiền theo mức như sau:

a) Trường hợp bàn giao mặt trước thời hạn được ghi trong thông báo nhận tiền của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong vòng 15 ngày, mức thưởng 100.000.000 đồng;

b) Trường hợp bàn giao mặt bằng từ ngày thứ 16 đến thời hạn được ghi trong thông báo nhận tiền của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, mức thưởng 50.000.000 đồng.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, cơ quan liên quan có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và Quy định này; Chủ động rà soát quỹ đất của địa phương, đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định để bố trí quỹ đất, quỹ nhà ở phục vụ cho việc bồi thường bằng đất khác với mục đích sử dụng của loại đất thu hồi và bồi thường bằng nhà ở quy định tại Điều 3 Quy định này đối với từng dự án cụ thể; xác định khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định này;

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân liên quan đến thu hồi đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và Quy định này.

4. Các Chủ đầu tư có dự án đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo đảm kinh phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu phát sinh khó khăn vướng mắc các tổ chức, cá nhân và cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.